

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2019/DS-PT

Ngày : 11/7/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa :* Bà Hoàng Thị Thu Lan

*Các Thẩm phán :* Bà Trần Thị Liên Anh  
Ông Nguyễn Quốc Thái

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Hoàng Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án  
nhân dân thành phố Hà Nội

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội :**

Bà Bùi Thị Hạnh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2019/QĐXX-PT ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 180/2019/QĐPT-HPT ngày 29/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 229/2019/QĐPT-HPT ngày 24/6/2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng V

Trụ sở chính: tầng 1(tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A Pasteur, phường B, quận X, TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1-6-7 Tòa nhà C, số 16 Đường P, quận H , TP Hà Nội

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc Vũ, sinh năm 1965; Chức vụ: Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1976; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ khách hàng cá nhân - Khối Quản trị rủi ro - Ngân hàng V (Giấy ủy quyền số 0161/2016/UQ-V ngày 31/3/2016); *Người được ủy quyền lại:* Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1974 và ông

Trần Đại D, sinh năm 1972 - Cán bộ Ngân hàng V (Giấy ủy quyền số 1161619 ngày 11/5/2019)

- Bị đơn:**
1. Ông Lê Minh H, sinh năm 1970
  2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1972

HKTT: đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

Nơi cư trú: Đội 10, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

3. Ông Lê Vinh L, sinh năm 1977

4. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1979

Địa chỉ: đội 12, thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội

**Người kháng cáo:** Ngân hàng V – Nguyên đơn

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2016 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Ngân hàng V do bà Ngô Thị Thu T đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 17/4/2014, Ngân hàng V (V) - Phòng Giao dịch M và vợ chồng các ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H, bà Lê Thị T ký Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-V066/14, theo đó Ngân hàng cho vợ chồng ông L bà Q và vợ chồng ông H bà T vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) với mục đích mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng; lãi suất và phương thức trả nợ hai bên đã tự nguyện thống nhất ký trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của khoản vay trên, ngày 29/5/2013, vợ chồng ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC tại Văn phòng Công chứng H -TP Hà Nội; theo đó vợ chồng ông L bà Q thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 mang tên ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557, MS 10134900). Các bên đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 30/5/2013.

Ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt một lần số tiền 800.000.000 đồng cho vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T. Các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T là người ký khế ước nhận nợ và đã nhận đủ số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T không thanh toán cho Ngân hàng Quốc tế

nếu đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 21/01/2019, vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T còn nợ tiền gốc là 655.526.168đồng; Nợ lãi trong hạn: 209.174.284đồng; Nợ lãi quá hạn: 285.224.669 đồng. Tổng cộng là 1.149.925.121 (*một tỷ một trăm bốn chín triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn một trăm hai mươi đồng*). Ngân hàng yêu cầu vợ chồng các ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H bà Lê Thị T trả số nợ trên, nếu không trả được thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp là nhà đất mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q tại thôn S, xã T, huyện T, Hà Nội để trả nợ.

- **Ông Lê Minh H bà Lê Thị T trình bày:** Ông bà xác nhận vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q cùng vay số tiền 800.000.000 đồng của Ngân hàng V tại hợp đồng tín dụng như Ngân hàng ở trên là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay này, ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q đã tự nguyện thế chấp tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông L bà Q. Vợ chồng ông bà là người sử dụng toàn bộ tiền vay của ngân hàng để đầu tư mua đất và đã gặp rủi ro thua lỗ, còn vợ chồng ông L bà Q không sử dụng số tiền này. Tiền lãi và tiền gốc đã trả hàng tháng do ông bà đứng ra trả. Do đó ông bà xin tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông bà xin Ngân hàng miễn toàn bộ các khoản lãi, chỉ xin trả gốc. Khi nào ông bà bán được đất thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

- **Ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q là bị đơn trong vụ án:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng những người này vắng mặt không có lý do. Đại diện Tòa án đã nhiều lần cùng đại diện chính quyền địa phương đến nhà gia đình ông L bà Q tại địa chỉ đội 12, thôn S, xã T, huyện T, Hà Nội để lấy lời khai và giải quyết vụ án, nhưng đều không làm việc được do họ không có mặt ở nhà. Do vậy đại diện Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ theo thủ tục chung.

**Tại Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội đã quyết định:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Minh H bà Lê Thị T.

2/ Buộc ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-V066/14 ký ngày 17/4/2014 như sau: Tiền nợ gốc: 655.526.168 đồng ; Nợ lãi trong hạn: 209.174.284đồng; Nợ lãi quá hạn: 285.224.669 đồng. Tổng cộng là

1.149.925.121 (một tỷ một trăm bốn chín triệu chín trăm hai lăm ngàn một trăm hai mốt đồng)

3/ Trường hợp ông Lê Minh H và bà Lê Thị T không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 ngày 30/12/2005 mang tên ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557), được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 29/5/2013 giữa Ngân hàng V với vợ chồng ông Lê Vinh bà Nguyễn Thị Q tại Văn phòng Công chứng H - TP Hà Nội

*Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của đương sự khi bản án được thi hành án,..*

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31/01/2019 nguyên đơn là Ngân hàng V kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ tiền cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo. Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng : ông Lê Vinh L và bà Nguyễn Thị Q là đồng bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa là lần thứ ba, nhưng vắng mặt tại phiên tòa là không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội theo hướng: Buộc vợ chồng ông Lê Vinh L bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ tiền cho Ngân hàng. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

Về tố tụng:

Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H, bà Lê Thị T cùng có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, bị đơn trong vụ án là ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T (Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự). Bản án sơ thẩm xác định ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q vừa là bị đơn, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, do đó sửa án sơ thẩm về việc xác định người tham gia tố tụng.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự đến phiên tòa là lần thứ ba, ông Lê Vinh L và bà Nguyễn Thị Q là đồng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

Ngày 17/4/2014, Ngân hàng V (V) - Phòng Giao dịch M và ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H, bà Lê Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-V066/14 và Khế ước nhận nợ số 197/KUNN1-V066/14, theo đó Ngân hàng cho vợ chồng ông L, bà Q và vợ chồng ông H, bà T vay số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) với mục đích mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/4/2020; Lãi suất và phương thức trả nợ hai bên đã tự nguyện thống nhất ký trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của khoản vay trên, ngày 29/5/2013 vợ chồng ông L, bà Q đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC tại Văn phòng Công chứng H - TP Hà Nội; theo đó vợ chồng ông L và bà Q thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 mang tên ông Lê Vinh L và bà Nguyễn Thị Q do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557, MS 10134900). Các bên đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T ngày 30/5/2013.

Ngân hàng đã giải ngân bằng tiền mặt một lần số tiền 800.000.000 đồng cho vợ chồng ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q và vợ chồng ông Lê Minh H, bà Lê Thị T. Ông L, bà Q, ông H và bà T là người ký khế ước nhận nợ và đã nhận đủ số tiền trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà Q, ông H và bà T không thanh toán cho Ngân hàng V như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tính đến

ngày 21/01/2019 ông L, bà Q, ông H và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 655.526.168 đồng; Nợ lãi trong hạn: 209.174.284 đồng; Nợ lãi quá hạn: 285.224.669 đồng. Tổng cộng là 1.149.925.121 (*một tỷ một trăm bốn chín triệu chín trăm hai lăm ngàn một trăm hai mốt đồng*).

Như vậy có đủ căn cứ xác định vợ chồng ông L, bà Q và vợ chồng ông H, bà T là người vay tiền của Ngân hàng V (V) - Phòng Giao dịch M theo Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-V066/14. Do đó, trách nhiệm trả nợ tiền cho Ngân hàng V là của vợ chồng ông L, bà Q và vợ chồng ông H, bà T.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H, bà T khai: Vợ chồng ông bà là người sử dụng toàn bộ số tiền vay của ngân hàng để đầu tư mua đất và đã gặp rủi ro thua lỗ, tiền lãi và tiền gốc đã trả hàng tháng do ông bà đứng ra trả, vợ chồng ông L và bà Q không sử dụng số tiền vay, ông bà xin tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên phía Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu trên của ông H, bà T. Bản án sơ thẩm chỉ buộc vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm trả nợ tiền cho Ngân hàng là không có căn cứ pháp luật, do đó sửa Bản án sơ thẩm buộc ông L, bà Q, ông H và bà T phải liên đới trả nợ tiền cho Ngân hàng V.

Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

## **QUYẾT ĐỊNH**

### ***Áp dụng:***

- Điều 288, 688 Bộ luật dân sự
- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Khoản 1 Điều 13, Điều 26, 29 của Nghị Quyết số326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội cụ thể như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T.

2/ Buộc ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải liên đới trả nợ cho Ngân hàng V theo Hợp đồng tín dụng (Khách hàng cá nhân vay món) số 197/HĐTD1-V066/14 ngày 17/4/2014 như sau: Tiền nợ gốc: 655.526.168đồng ; Nợ lãi trong hạn: 209.174.284đồng; Nợ lãi quá hạn: 285.224.669đồng. Tổng cộng là 1.149.925.121đồng (*Một tỷ, một trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm hai lăm nghìn, một trăm hai mốt đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

3/ Trường hợp ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 116, tờ bản đồ số 17, diện tích 155m<sup>2</sup> tại thôn S, xã T, huyện T, TP Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 454634 do UBND huyện T cấp ngày 30/12/2005 mang tên ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q(vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2004/2005/QĐ-UB/00557), để thu hồi nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà (của bên thứ 3 là cá nhân) số công chứng 1715/2013, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 29/5/2013 giữa Ngân hàng V với vợ chồng ông Lê Vinh L và bà Nguyễn Thị Q tại Văn phòng Công chứng H, TP Hà Nội.

4/ Về án phí:

- Ông Lê Vinh L, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Minh H và bà Lê Thị T phải liên đới chịu 23.248.500đồng (*Hai mươi ba triệu, hai trăm bốn tám nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng V tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 17.000.000đồng (*Mười bảy triệu đồng*) và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số AA/2012/08699 ngày 15/01/2018 và Biên lai thu tiền số AA/2016/0008526 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, TP Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận :**

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**Hoàng Thị Thu Lan**

